

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi 1 ngày (%)
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm	1.97	-0.2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm	4.43	0.0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng	4.75	0.0
USD/VND	25,375	0.2
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm	4.2	-0.1
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm	4.2	-0.1

Ngày 15/7, Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 24.245 VND/USD, giảm 3 đồng so với mức niêm yết trước đó. Áp dụng biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.033 - 25.457 VND/USD.

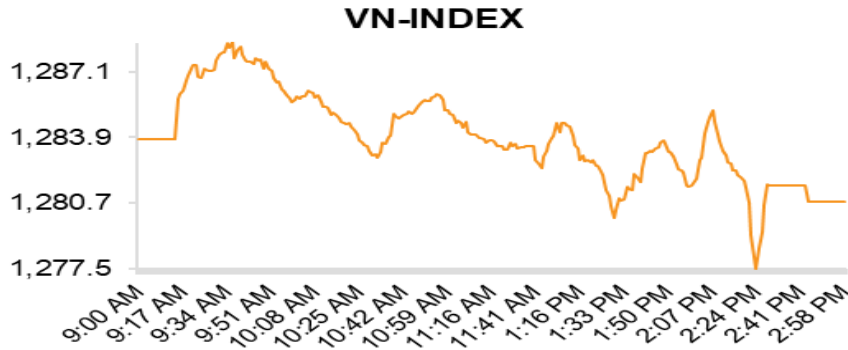
Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)		
		1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng (USD/oz)	2,414.40	-0.3	3.6	22.9
Dầu WTI (USD/b) 1 tháng	82.41	0.2	5.0	9.3
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	85.17	0.2	3.1	6.6
Thép (USD/tấn)	499.5	-0.2	-4.1	-2.2
Thịt heo (USD/kg)	2.6	1.1	2.7	36.8
Phân urea (USD/tấn)	N/A	N/A	2.7	5.3

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong quý 2, đã giảm 32,4% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống chỉ còn 308.124 tấn. Mặc dù vậy, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này vẫn tăng 8,5% lên 1,26 tỷ USD nhờ giá bán tăng.

	Giá đóng cửa	Thị trường vốn và Vĩ mô
		Thay đổi (%)
Dow Jones	40,001	0.6
NASDAQ	20,331	0.6
S&P500	8,246	-0.1
FTSE 100	18,724	-0.1
Nikkei 225	41,191	-2.4
Shanghai Shenzhen CSI 300	3,476	0.1
KOSPI Index	2,861	0.1

1) Theo Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, 6 tháng đầu năm, GDP tăng 5% svck năm ngoái, riêng trong quý 2/2024, GDP tăng 4,7% svck năm ngoái, giảm nhẹ so với mức tăng 5,3% trong quý 1. Mặc dù tăng trưởng trong quý 2 thấp hơn quý 1 song vẫn thể hiện mức tăng trưởng tương đối nhanh trong số các nền kinh tế lớn trên thế giới, điều này tạo tiền đề tốt để Trung Quốc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng khoảng 5% năm 2024.

2) Dữ liệu từ Cục Thống kê Lao động thuộc Bộ Lao động Mỹ cho thấy, chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 6 tại Mỹ đã tăng 0,2% so với tháng 5, cao hơn dự báo là tăng 0,1%. Tuy nhiên, PPI lõi (loại bỏ thực phẩm, năng lượng) không thay đổi trong tháng 6, ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 5/2023.

Thị trường chứng khoán


Ngành (VNIndex)	Tỷ trọng VN-INDEX	Thay đổi (%)	P/E	P/B
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	3.8	-0.6%	61.0	4.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8.4	-0.2%	100.3	3.3
Năng lượng	1.8	2.8%	19.1	1.9
Tài chính	42.4	-0.1%	11.6	1.8
Chăm sóc sức khỏe	0.8	1.9%	19.1	2.5
Công nghiệp	9.5	-0.1%	39.9	2.7
Công nghệ thông tin	4.2	-0.9%	29.0	6.9
Vật liệu xây dựng	9.8	0.5%	32.6	2.3
Bất động sản	12.8	-0.4%	37.7	1.7
Dịch vụ tiện ích	6.2	0.3%	23.0	2.3

Nguồn: Bloomberg

Nhận định thị trường hàng ngày

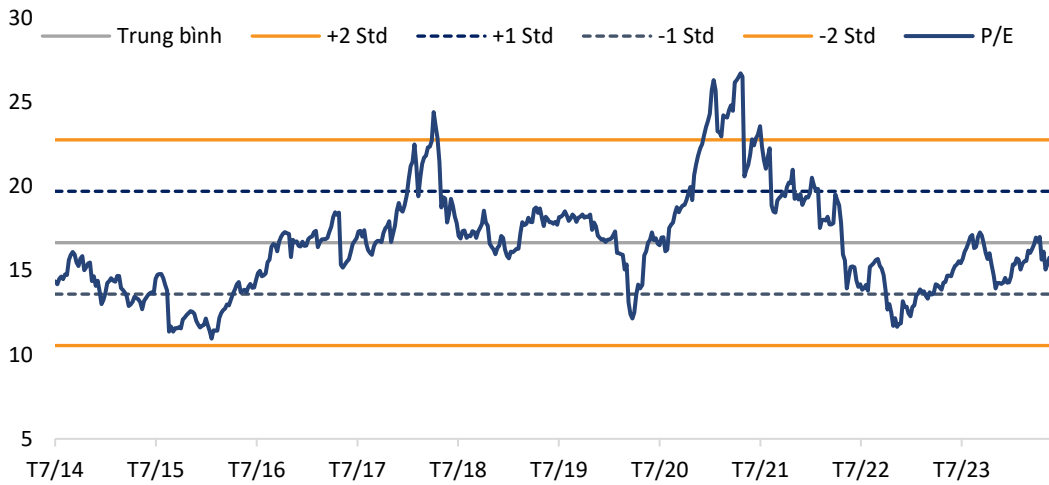
Thị trường tiếp tục điều chỉnh phiên thứ 4 liên tiếp với thanh khoản suy giảm. tuy nhiên đây được coi là yếu tố tích cực. Nhóm ngành đáng chú ý trong phiên bao gồm Điện, Dầu khí. Kết phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1279,82 điểm (-0,93 điểm ~ 0,07%), thị trường nghiêng về số mã giảm với tỷ lệ mã tăng/giảm/giá là 167/262.

Mặc dù thị trường được hỗ trợ liên tục bởi các thông tin vĩ mô tích cực nhưng xu hướng của VN-Index vẫn đang điều chỉnh nhẹ. Áp lực điều chỉnh của thị trường không quá mạnh mẽ nhưng xu hướng của cổ phiếu riêng lẻ có thể tiêu cực hoặc tích cực hơn hẳn so với thị trường chung. Qua đó nhà đầu tư tập trung lưu ý quản trị rủi ro trên danh mục và cổ phiếu cụ thể. Hạn chế sử dụng đòn bẩy mua trung bình giá những cổ phiếu trong xu hướng giảm, hạn chế fomo mua những cổ phiếu tăng mạnh và tăng nóng. Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1280/1300.

Các chỉ báo kỹ thuật của VN-Index								
RSI	Bollinger band	Thanh khoản/chỉ số	Độ rộng thị trường	Tương quan các đường MA	Hỗ trợ/Kháng cự	Lãi lỗ T+3	Trendline	Mẫu hình nền
→	↑	↓	↓	↑	↑	↓	→	↓

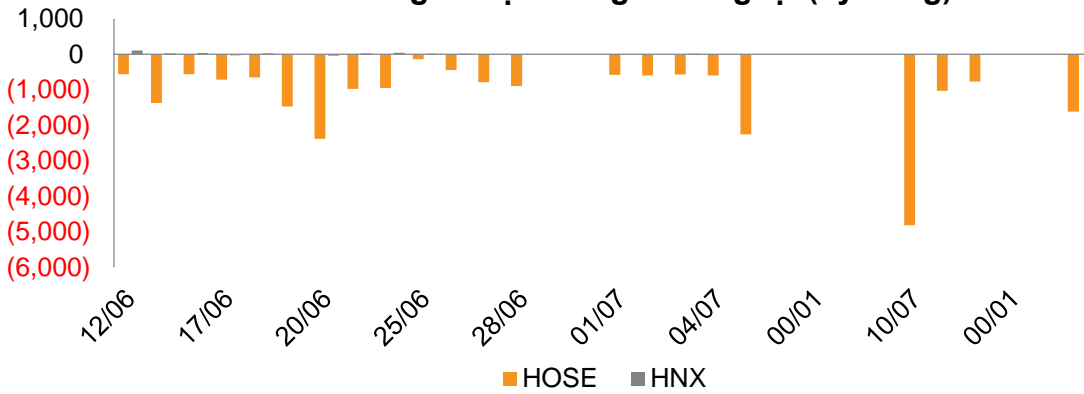
Định giá P/E

Nhận định



Thị trường đang giao dịch ở mức P/E 15.8x lần. Giá trị P/E trung bình trong vòng 10 năm là 16,6x lần.

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



Khối ngoại bán ròng 1909 tỷ đồng tập trung vào HDB (-406,2 tỷ), STB (326,4 tỷ), ACV (201,2 tỷ), SAB (179,3 tỷ), SCS (-118,7 tỷ), VCB (-96,2 tỷ), MSN (-82 tỷ), BID (-76,3 tỷ), VPB (-68,9 tỷ), HPG (-66 tỷ). Ngược lại, lực mua tập trung TNH (113,3 tỷ), NLG (76,6 tỷ), PC1 (48,8 tỷ).